

Bản án số: **296/2021/HS-PT**

Ngày: 30 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Cẩm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Liêm

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: **248/2021/HS-PT** ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **93/2021/HSST** ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối phố 8, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: giúp việc; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; cha mẹ ruột (không rõ); cha nuôi Nguyễn Hữu C (chết); mẹ nuôi Nguyễn Thị L1; chồng Nguyễn L2; có 02 con, con lớn sinh năm 1991; con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21-3-2016, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong).

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 11-6-2021, Nguyễn Thị Thu T điều khiển xe đạp đi dọc đường Lý Thường Kiệt, thành phố T để xin việc làm phụ quán tại các quán nhậu nhưng không quán nào nhận. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, T đạp xe đến tiệm tạp hóa “Tú H”, số 164 Trần Quý Cáp, thuộc khối phố M, phường H, thành phố T để mua nhu yếu phẩm. Lúc này, anh Doãn A đang đứng trông coi tiệm, T đi vào bên trong tiệm tạp hóa, lại khu vực quầy hàng để lấy 01 (một) chai dầu gội, 01 (một) kg đường, khi đến khu vực để nước rửa chén thì T nhìn thấy trên bàn gỗ bên cạnh có 01 (một) ví da nam, màu nâu đen nên nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát anh Ánh không để ý, T lén lút dùng

tay lấy trộm chiếc ví, bỏ vào túi áo khoác đang mặc, rồi lấy 01 (một) chai nước rửa chén đi lại khu vực anh Ánh đang đứng để tính tiền. Vì không đủ tiền nên T trả lại 01 (một) ký đường, rồi đi ra khỏi tiệm tạp hóa, đạp xe về nhà, thuộc khối phố 8, phường A, thành phố T. Về đến nhà, T mở ví ra xem thì nhìn thấy bên trong có số tiền 3.100.000đ (Ba triệu một trăm ngàn đồng), gồm: 06 (sáu) tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, 01 (một) tờ tiền 50.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền 20.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền 5.000 đồng; 01 (một) miếng kim loại màu vàng có khắc chữ trên mặt, kích thước 4cmx6cm; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 (một) chứng minh nhân dân, 02 (hai) thẻ bảo hiểm y tế cùng mang tên Doãn A. Nhìn thấy số tiền nhiều, T hoảng sợ và cất giấu chiếc ví tại khu vực phòng bếp. Lúc 16 giờ 30 phút ngày 12-6-2021, Nguyễn Thị Thu T đến Công an phường A, thành phố T đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ tang vật.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2021/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T **06** (Sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền kháng cáo.

Vào ngày 01/10/2021, bị cáo Nguyễn Thị Thu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để làm căn cứ xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có đơn đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo là người lao động chính trong gia đình, có chồng khuyết tật, bị liệt do tai nạn không tự sinh hoạt được, tuy nhiên xét thấy tình tiết giảm nhẹ này cấp sơ thẩm đã xem xét và mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thu T khai nhận: Do cuộc sống gia đình khó khăn, bị cáo không có việc làm ổn định nên khoảng 10 giờ 45 phút ngày 11 - 6 - 2021, khi đang mua hàng tại Tiệm tạp hóa “Tú H”, địa chỉ số 164 Trần Quý

Cáp, khối phố M, phường H, thành phố T, nhìn thấy trên khu vực quầy hàng có 01 ví da màu nâu đen nên bị cáo đã nảy sinh lòng tham, có hành vi lén lút trộm cắp của anh Doãn A 01 ví da màu nâu đen, bên trong có số tiền 3.100.000 đ (*Ba triệu, một trăm nghìn đồng*). Cùng ngày sau khi phạm tội, do thấy trong ví có số tiền lớn nên bị cáo đã đến Công an phường A, thành phố T đầu thú và trả lại tài sản cho bị hại.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản anh Doãn A 01 ví da màu nâu đen, bên trong có số tiền **3.100.000 đ** (*Ba triệu, một trăm nghìn đồng*) nên Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2021/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 06 tháng tù là có cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo T từng bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành kết án về tội “Trộm cắp tài sản” vào tháng 3/2016 (*trộm cắp điện thoại có giá trị 2.700.000 đồng*) và đã chấp hành xong bản án, đến thời điểm phạm tội lần này là trên 06 tháng. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội lần này mang tính nhất thời, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và trả lại toàn bộ tài sản trộm cắp cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khi quyết định hình phạt.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nhưng thu nhập không ổn định, cũng là người trực tiếp chăm sóc chồng bị khuyết tật và đau ốm không thể tự sinh hoạt cá nhân hằng ngày nên việc không buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù không làm ảnh hưởng đến khả năng tự cải tạo của bị cáo và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng giữ nguyên mức hình phạt 06 tháng tù nhưng áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo vừa tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú, vừa giúp đỡ, chăm sóc chồng đang bị bệnh (*không tự chăm sóc bản thân được*) thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2021/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 06** (Sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/12/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T về Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2021).

Nơi nhận:

- Cơ quan tiến hành TT;
- Người TGTT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thế Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các cơ quan tiến hành TT; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

Trần Thế Cẩm

